

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2017/DS-PT

Ngày: 05-9- 2017

V/v tranh chấp hợp đồng đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hòa

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Ông Lưu Hữu Giàu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Hồ Văn Ta - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2017/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 về “tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2017/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 133/2017/QĐPT - DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Thanh B, sinh năm: 1969 Nơi cư trú: ấp V, xã VT, huyện AP, An Giang. (có mặt)

2. Đồng Bị đơn:

2.1 Bà Võ Thị N, sinh năm 1964 Nơi cư trú: ấp V, xã VT, huyện AP, An Giang. (có mặt)

2.2 Bà Võ Thị Q, sinh năm 1956. Cư trú: khóm V, phường A, thành phố CD, An Giang. (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Văn N1, sinh năm 1965; Cư trú: ấp V, xã VT, huyện AP, An Giang. (vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Thanh B trình bày: Ông có phần đất cha mẹ cho có diện tích 15,095 m² có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00383QSDĐ/dL ngày 27/8/1993 mang tên Võ Thành B (Võ Thanh B), tọa lạc tại ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú đã (chuyển nhượng xong cho ông N1 và Phước). Ngày 07/9/1997 bà N và bà Q nhân lúc ông không có ở nhà, lén lút làm tờ cổ phần đất này cho ông N1 để lấy 20 chỉ vàng 24 kara tiêu xài.

Hết hạn cầm cố mà bà N- bà Q không có khả năng chi trả, ông đứng ra chuộc đất lại với số tiền tương đương 02 lượng vàng năm 1999. Vì tình nghĩa chị em nên buộc lòng ông phải vay mượn tiền bên ngoài để chuộc lại đất. Sau đó do không khả năng trả nợ người ta nên ông chuyển nhượng 6000m² đất nằm trong 15,095 m² của ông cho ông N1 vào ngày 28/11/2000 để lấy tiền trả số nợ tương đương 02 lượng vàng mà ông đã vay mượn để trả thay cho bà N và bà Q.

Đến ngày 04/10/2016 qua nhiều lần ông yêu cầu bà N và bà Q trả lại số tiền tương đương 02 lượng vàng 24 kara nêu trên, nhưng cả hai không thực hiện. Nay ông yêu cầu bà N và bà Q phải trả lại cho ông số tiền tương đương 02 lượng vàng 24 kara, tại phiên hòa giải lần thứ nhất ông yêu cầu phải trả luôn tiền lãi suất kể từ năm 1999 đến nay.

Bị đơn trình bày: Bà Q (Chanh), bà thừa nhận có cổ đất cho ông N1 với số vàng 20 chỉ vàng, số đất là 08 công, đất này hiện nay ông B đã bán cho người ta hết, ông B nếu đồng ý trả lại cho bà và bà N 08 công đất thì bà sẽ trả cho ông B 20 chỉ vàng. Phần này vàng cổ chỉ có bà Q là người cổ đất và nhận vàng của ông N1. Phần đất này trước đây cha mẹ chia cho bà 02 công, bà gặp khó khăn nên cổ cho ông N1, có mượn đất của N là 06 công để cổ cho ông N1, lấy số vàng là 20 chỉ vàng 24 kara, phần vàng này bà sử dụng chứ không có bà N sử dụng, nhưng đất này ông B tự ý sang tên cho ông, tuy nhiên vì nghĩ chỗ chị em nên để đất này cho ông B sử dụng mà không có kiện tranh chấp đất này với ông B. Tại phiên tòa hôm nay bà Q cho rằng không có mượn vàng của ông B nên không đồng ý trả.

Bà N trình bày: Phần đất mà bà Q cổ cho ông N1 trong đó bà có cho mượn 06 công, bà Q 02 công, nhưng sau này ông B đứng tên giấy đồ chị em bà định kiện chia thừa kế nhưng không kiện phần đất này, bà chỉ kiện đất thổ cư và đất bãi bồi hiện do Tòa án tỉnh An Giang đang tiến hành tố tụng. Đất này là của cha mẹ, thời điểm đó ông B tự ý sang tên cho ông, mẹ không hay biết nên kiện ra Tòa án đòi lại đất này và đất thổ cư, đất bãi bồi, sau đó mẹ mất chị em bà chỉ kiện ông B đất thổ cư và đất bãi bồi, phần đất nông nghiệp này không kiện nữa, thời điểm bà Q cổ đất là phần bà Q được 02 công, bà cho mượn 06 công là 08 công để cổ, vàng cổ thì bà Q nhận để sử dụng bà không có nhận, chỉ là cho mượn đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn N1 trình bày tại biên bản hòa giải: Vào khoảng năm 1997 ông có nhận cổ đất 08 công của bà Q với

thời hạn cổ là 03 năm số vàng là 20 chỉ vàng 24 kara. Sau đó ông B có bỏ tiền ra chuộc lại đất là 20 chỉ vàng, năm 2000 ông mua lại 06 công đất của ông B và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận số 01163/QSDĐ/dL ngày 24/11/2000 diện tích 6.000 m² cho đến nay.

Ông Nguyễn Văn Phước trình bày tại biên bản công khai chứng cứ: Ông là người mua đất lại của ông B, hiện ông đã sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông ngày 06/9/2012 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01902dL cấp ngày 06/9/2012 diện tích 9095 m². Ông chỉ là người mua đất, đất do ông B đứng tên quyền sử dụng đất và chuyển nhượng lại cho ông, ông không liên quan gì đến việc cổ đất của bà Q và ông N1 và không liên quan đến yêu cầu đòi vàng của ông B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 126/2017/DS-ST ngày 11/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện AP đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh B

Buộc bà Võ Thị Q trả cho ông Võ Thanh B 02 (hai) lượng vàng 24 kara, tương đương số tiền là 68.400.000 đồng (Sáu mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Thanh B buộc bà Võ Thị N cùng liên đới trả nợ cho ông Võ Thanh B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/5/2017 bà Võ Thị Q có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Võ Thị Q vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay; Đã có đủ cơ sở xác định ông Võ Thanh B là người bỏ ra 02 lượng vàng 24k để chuộc lại đất từ ông N1; Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bà Q trả cho ông B 02 lượng vàng 24k (tương đương 68.400.000đ) là có căn cứ. Bà Q kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới để chứng minh nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Võ Thị Q kháng cáo và nộp tiền tạm ứng kháng cáo trong hạn luật định nên được chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

Đối với ông Hồ Văn N1 vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Theo trình bày của nguyên đơn ông Võ Thanh B, thì nguyên nhân phát sinh tranh chấp là do bà Võ Thị N và bà Võ Thị Q đã đem 02 công đất (trong 15,095m² tọa lạc tại ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, đã được UBND huyện An Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, số: 00383.QSĐĐ/dL ngày 27/8/1993) để cầm cố cho ông Hồ Văn N1 20 chỉ vàng 24k. Hết hạn cầm cố do bà N, bà Q không chuộc lại đất nên ông đã bỏ tiền ra (tương đương 02 lượng vàng 24k năm 1999) để chuộc lại đất. Nay ông yêu cầu bà N, bà Q trả lại ông số tiền tương đương 02 lượng vàng 24k và lãi suất từ năm 1999 đến nay.

Về phía bị đơn bà Võ Thị N, bà Võ Thị Q cùng trình bày: Nguồn gốc đất là của cha, mẹ cho bà Q 02 công đất, sau đó bà N cho bà Q mượn thêm 06 công đất để bà Q cầm cố 08 công đất cho ông N1; Bà Q là người trực tiếp cố đất và nhận 20 chỉ vàng 24k của ông N1 sử dụng; bà N chỉ là người cho mượn đất. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Q không đồng ý vì bà không có mượn vàng của ông B.

[3] Xét thấy: Các bên đương sự không tranh chấp “đất”; Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền tương đương 02 lượng vàng 24k mà nguyên đơn đã bỏ ra để “chuộc” lại đất cho bị đơn. Về phía bị đơn bà Q thừa nhận có “cố” đất cho ông N1 để lấy 20 chỉ vàng 24k sử dụng. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn N1 xác định: Có nhận cố 08 công đất của bà Q với số vàng là 20 chỉ (vàng 24k). Sau đó ông B bỏ tiền ra chuộc lại đất là 20 chỉ vàng; Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bà Võ Thị Q trả cho ông Võ Thanh B 68.400.000 đồng (tương đương 02 lượng vàng 24k) và dành quyền khởi kiện cho bà Q, bà N đối với ông B bằng một vụ án dân sự khác (khi có yêu cầu) là có cơ sở. Mặc khác, bà Q kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận để giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên; khi giải quyết vụ án cấp sơ thẩm xác định tên của bị đơn bà Võ Thị **Q1** là có thiếu sót (vì chưa đúng tên trong giấy tờ tùy thân); nhưng việc thiếu sót này không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích của các bên đương sự; nên cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho đúng với tên trong giấy chứng minh nhân dân là Võ Thị **Q**.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Võ Thị Q phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015. Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

+ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Q.

+ Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 126/2017/DS-ST ngày 11/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang.

- Tuyên xử:

+ Buộc bà Võ Thị Q trả cho ông Võ Thanh B 02 (hai) lượng vàng 24 kara, tương đương số tiền là 68.400.000 đồng (Sáu mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng).

+ Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Thanh B buộc bà Võ Thị N cùng liên đới trả nợ cho ông Võ Thanh B.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án, được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí sơ thẩm :

+ Bà Võ Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.440.000 (ba triệu bốn trăm, bốn mươi nghìn) đồng.

+ Ông Võ Thanh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 825.000 (tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, theo biên lai tạm ứng án phí số TU/2015/0005562 ngày 12/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện AP.

+ Bà Võ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm :

Bà Võ Thị Q phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số: 0011078 ngày 22/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện AP;
- Chi cục THA-DS huyện AP;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thanh Hòa